

Bản án số: 126/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09/09/2026

V/v: “*Tranh chấp Ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Dương

Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Lan - Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Nghệ An: Ông Vi Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 09 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 06 năm 2026 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 08 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu T**; sinh năm: 1998;

Số CCCD: 040198017190, cấp ngày 29/12/2024; Nơi cấp: **Bộ C**.

Nơi ĐKTT: **Xóm H, xã N, tỉnh Nghệ An**.

Chỗ ở hiện nay: **K, phường T, tỉnh Nghệ An**; (có đơn xin xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Trương Ngọc K**, sinh năm 1997;

Số CCCD: 040097018658 cấp ngày 06/03/2023; Nơi cấp: **Cục C1** về TTXH.

Nơi ĐKTT: **Xóm H, xã N, tỉnh Nghệ An**. Hiện đang ở Nhật bản; vắng mặt (có đơn xin giải quyết ly hôn vắng mặt).

.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết hôn ngày 20 tháng 05 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thu T** trình bày:*

Chị và anh **Trương Ngọc K** có đăng ký kết hôn với nhau tại **UBND phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An** (nay là **UBND phường T, tỉnh Nghệ An**) vào ngày

07/3/2023, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng đã sống ly thân Từ cuối năm 2024 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên chị **T** yêu cầu được ly hôn với anh **K**.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên **Trương Minh H**, sinh ngày 27/10/2021, hiện tại đang ở cùng với chị **T**, không ai có con riêng, vợ chồng không nhận nuôi con nuôi; Anh **K** hiện tại đang ở nước ngoài và đã có văn bản trình bày đồng ý để chị nuôi con, đồng thời cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 3.000.000 đồng theo yêu cầu của chị thì chị không có ý kiến gì khác; hiện tại chị đang đi làm công nhân ở Công ty thu nhập mỗi tháng từ chín đến mười triệu đồng, nên đầy đủ các điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Công văn xuất nhập cảnh số 2965/QLXNC-Đ1 ngày 30/06/2026 của **Phòng Q Công an tỉnh N** thể hiện bị đơn, anh **Trương Ngọc K** hiện đang sinh sống ở nước ngoài.

Ngày 21/7/2026 anh **Trương Ngọc K** có mặt tại **Đại sứ quán nước C2** tại Nhật bản lập Giấy ủy quyền cho bà **Lục Thị HI** (mẹ anh **K**) thay mặt anh **K** nộp cho TAND khu vực 8 - Nghệ An các văn bản gồm: Đơn xin trình bày ý kiến, Đơn xin giải quyết vắng mặt và các giấy tờ cần thiết để giải quyết ly hôn giữa anh **K** và chị **T**; tại Đơn xin trình bày ý kiến anh **K** đã có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh **Trương Ngọc K** và chị **Nguyễn Thị Thu T** có đăng ký kết hôn với nhau tại **UBND phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An** (nay là **UBND phường T, tỉnh Nghệ An**) vào ngày 07/3/2023, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 5 năm 2023 anh **K** trở lại Nhật Bản để sinh sống, do vợ chồng ở xa nên bất đồng quan điểm về mọi mặt, nay chị **T** có nguyện vọng ly hôn với anh thì anh đồng ý, mong Tòa xem xét cho anh và chị **T** ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên **Trương Minh H**, sinh ngày 27/10/2021; hiện tại đang ở cùng với chị **T**; không ai có con riêng, vợ chồng không nhận nuôi con nuôi; chị **T** có nguyện vọng xin được nuôi con chung thì anh **K** đồng ý để chị **T** nuôi con và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại anh **K** đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, không thể trực tiếp đến Tòa án để giải quyết ly hôn với chị **T**, nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, xin được giải quyết ly hôn vắng mặt và đã ủy quyền cho mẹ ruột

là bà **Lục Thị H1** thay mặt anh **K** nộp hồ sơ, nhận thông báo, Quyết định của **Tòa Á.**

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đã đầy đủ, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118, 122, 123 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 28, 35, 39, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: cho chị **Nguyễn Thị Thu T** ly hôn với anh **Trương Ngọc K.**

Về con chung: Đề nghị Giao một con chung là **Trương Minh H**, sinh ngày 27/10/2021 cho chị **Nguyễn Thị Thu T** chăm sóc và nuôi dưỡng;

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Trương Ngọc K** thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **T** mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh **Trương Ngọc K** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị **T** và anh **K** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị **Nguyễn Thị Thu T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”; căn cứ vào Công văn xuất nhập cảnh số 2965/QLXNC-Đ1 ngày 30/06/2026 của **Phòng Q Công an tỉnh N**; ý

kiến của anh **K** trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện bị đơn, anh **Trương Ngọc K** hiện đang sinh sống ở nước ngoài (Nhật Bản). Trước khi xuất cảnh, anh **K** có địa chỉ cư trú tại **Xóm H, xã N, tỉnh Nghệ An**. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); Điều 122, Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

[1.2]. Về việc vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, cả chị **T** và anh **K** đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị **T** và anh **K** là hợp pháp, không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào lời khai của các đương sự nhận thấy: Giữa chị **T** và anh **K** đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ với nhau, không có nguyện vọng đoàn tụ, không có biện pháp để khắc phục tình trạng hôn nhân hiện tại. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị **T** và anh **K** không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có đủ căn cứ cho chị **T** và anh **K** ly hôn là đúng quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung:

Xét thấy: Từ khi anh **K** đi lao động ở nước ngoài cho đến nay con chung đều do chị **T** chăm sóc, nuôi dưỡng; hiện tại anh **K** đang ở nước ngoài và đồng ý giao con chung cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị **T** có công việc và thu nhập ổn định, có đầy đủ điều kiện để nuôi con, nên giao con chung cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **T** yêu cầu anh **K** thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **T** mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành 18 tuổi, anh **K** cũng đồng ý với yêu cầu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị **T** và anh **K** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện khi có yêu cầu.

[4]. *Về án phí*: Chị **Nguyễn Thị Thu T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118, 122, 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 40, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thu T.**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị **Nguyễn Thị Thu T** được ly hôn anh **Trương Ngọc K.**

2. *Về con chung*:

2.1. Giao cho chị **Nguyễn Thị Thu T** được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng một con chung của chị **T** và anh **K** là **Trương Minh H**, sinh ngày 27/10/2021;

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Trương Ngọc K** thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **T** mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành 18 tuổi.

2.3. Anh **Trương Ngọc K** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cấm, cản trở.

2.4. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về chia tài sản*: Chị **T**, anh **K** không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị **Nguyễn Thị Thu T** phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) mà chị **T** đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0004611 ngày 16 tháng 06 năm 2026; (chị **T** đã nộp đủ). Anh **Trương Ngọc K** phải **chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).**

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Thu T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, bên phải thi hành án anh Trương N

K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, 4 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 71 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thu T** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết. Bị đơn anh **Trương Ngọc K** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 – Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu HSVA,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngoan

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN**

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Thuận Trung, tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thanh

